TAND HUYỆN ĐỊNH HÓA **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2019.
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Hoàng Văn Giang.
- *Các hội thâm nhân dân:* - Bà Nguyễn Thị Tâm;
- Ông Trần Văn Thuận.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Khánh Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên. Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 240/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp *"Hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Xóm P, xã PT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Ma Doãn T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xóm Ph, xã PT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Ma Doãn T kết hôn ngày 08/11/2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, trước khi kết hôn anh, chị có được tìm hiểu nhau, trên cơ sở tự nguyện được hai gia đình đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Những ngày đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng cãi vã,

xúc phạm nhau, mặc dù chị đang mang thai nhưng gia đình nhà chồng luôn chửi rủa chị, cho rằng chị không biết làm ăn, không chịu làm việc và đuổi chị ra khỏi nhà có lần mẹ chồng chị còn ném quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân của chị ra ngoài sân, anh T là chồng chị nhưng không góp ý, khuyên can mẹ để mặc chị phải cam chịu đồng thời anh T cũng không quan tâm, chăm sóc chị khi mang thai đã sắp đến ngày sinh, khiến chị không thể chịu đựng được hơn nữa. Do đó chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 01/2011 cho đến nay. Tháng 02/2011 chị sinh con nhưng anh T và gia đình nhà chồng không đến thăm nom, chăm sóc chị và con lần nào, đến nay con đã tám tuổi nhưng anh T chưa một lần cấp dưỡng nuôi con và cũng không hề quan tâm đến chị và con. Nay chị xác định không còn yêu thương anh T nữa, thời gian vợ chồng sống ly thân đã quá lâu, chị cương quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh T có một con chung là Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 03/02/2011, hiện nay chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi con. Hiện chị H là lao động tự do thu nhập khoảng 6.000.000^{đ}/ 01 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh Ma Doãn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau ngày 08/11/2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, trước khi kết hôn anh, chị có được tìm hiểu nhau, được hai gia đình đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh chung sống được thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn giữa chị H và mẹ anh, cuối tháng 01/2011 cô H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó anh T cũng ra nhà bố mẹ đẻ chị H ở được một thời gian thì chị H chửi bới, xúc phạm, không cho anh ăn cơm, giật bát cơm của anh, đánh và đuổi anh đi, anh đã phải về nhà mình ở từ đó. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2011 đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý, anh xác định vẫn còn yêu thương chị H mong chị H suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh T thừa nhận, anh và chị H có một con chung là Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 03/02/2011, hiện nay chị H đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Nếu chị H quyết tâm xin ly hôn với anh, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền nuôi con. Hiện anh T là lao động tự do thu nhập khoảng từ 2.500.000^{đ} đến 3.000.000^{đ}/01 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định anh và chị H chưa tạo dựng được tài sàn gì chung, vì cả anh và chị đều là lao động tự do, thời gian chung sống ngắn, thu nhập bấp bênh, anh, chị cũng không cho cá nhân, tổ chức nào vay mượn tài sản gì, cũng như không vay mượn tài sản của cá nhân, tổ chức nào tài sản gì. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã T hành hòa giải để chị H và anh T đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải chị H khẳng định chị không còn yêu thương anh T nữa, cương quyết xin ly hôn. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, chị H khẳng định không còn yêu thương anh T nữa, cương quyết xin được ly hôn. Hiện chị làm công việc tự do thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000^{đ}/01 tháng, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi con. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Anh T không đồng ý ly hôn với chị H vì cho rằng anh vẫn yêu thương chị H, mong muốn chị H rút đơn vợ chồng về đoàn tụ gia đình cùng nuôi con chung. Hiện anh T đi làm thuê thu nhập khoảng 2.500.000^{đ} đến 3.000.000^{đ}/01 tháng. Nếu chị H cương quyết xin ly hôn với anh, anh yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền nuôi con. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Trước khi nghị án Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật tố tụng, việc cấp giao tống đạt văn bản tố tụng, việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục tố tụng, thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

- Việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn anh T;

+ Về con chung để chị H trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 03/02/2011 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung, không có. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

+ Về quyền kháng cáo bản án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình, mà bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã PT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án T hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn ngày 08/11/2010, đăng ký kết hôn tại xã PT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn chị H và anh T có được tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của hai bên gia đình, tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Như vậy, có thể thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Theo như chị H khai. Quá trình chung sống của vợ chồng và gia đình nhà chồng, phát sinh mâu thuẫn, anh T không quan tâm đến chị trong khi chị đang mang thai đã sắp đến ngày sinh, dẫn đến vợ chồng cãi vã, mặc dù chị đang mang thai nhưng gia đình nhà chồng luôn chửi mắng chị, cho rằng chị không biết làm ăn, không chịu làm việc và đuổi chị ra khỏi nhà có lần mẹ chồng chị còn ném quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân của chị ra ngoài sân, anh T là chồng chị nhưng không góp ý, khuyên can, chị đã góp ý nhiều lần với anh T nhưng anh T không góp ý với mẹ mình mà còn có nhiều lời nói xúc phạm lẫn nhau nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2011 đến nay. Nay chị H không còn yêu thương anh T nữa.Chị H xin được ly hôn.

Theo lời khai của anh T: Chị H không chịu làm ăn, hay cãi mẹ chồng nên vợ chồng có sảy ra khúc mắc cãi vã, anh cũng có lời nói xúc phạm chị, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ đầu tháng 02/2011, sau đó anh T cũng ra nhà bố mẹ đẻ chị H ở được một thời gian thì chị H chửi bới, xúc phạm, không cho anh ăn cơm, giật bát cơm của anh, đánh và đuổi anh đi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2011 đến nay. Nay anh vẫn còn yêu thương chị H và mong muốn đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung.

Toà án đã T hành hòa giải để chị H và anh T đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải chị H khẳng định chị không còn yêu thương anh T nữa, cương quyết xin ly hôn. Anh T không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, chị H cương quyết xin được ly hôn, anh T cũng không đồng ý ly hôn với chị H.

Xét thấy: Chị H và anh T có nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cãi vã, xúc phạm nhau, dẫn đến chị H và anh T sống ly thân từ tháng 02/2011 đến nay. Chị H không còn yêu thương anh T nữa, xin được ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp, đúng thực tế cần được chấp nhận.

Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T cũng yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung từ phía chị H.

Khi ly hôn, cần giao con chung của anh chị cho ai là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cần phải xem xét đến điều kiện nuôi dưỡng của hai anh chị, đồng thời phải bảo đảm cho con chung của anh chị phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần.

Cả chị H và anh T đều đang ở tuổi lao động, có sức khỏe. Tuy nhiên, con chung của anh chị còn nhỏ và hiện nay đang ở cùng chị H và trên cơ sở tôn trọng ý kiến của con chung trên 07 tuổi của anh, chị.

Do vậy, cần giao con chung của anh, chị là cháu Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 03/02/2011 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con trên 07 tuổi và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi con chung. Do đó, Cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối vưới anh T cho đến khi có yêu cầu.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Ma Doãn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp và đúng quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Ma Doãn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 03/02/2011 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T do chị H không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^{đ}(ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0008795 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnhTN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã PT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Giang